

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH THỦY
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 06/2025/HNGĐ-ST

Ngày 08 - 4 - 2025

V/v tranh chấp Hôn nhân và gia đình.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH THỦY TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà **Nguyễn Thị Hương Thủy**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Đoàn Hồng Canh**

Ông **Nguyễn Thành Lâm**

- Thư ký phiên toà: Bà **Nguyễn Thị Đào** – Thư ký Toà án nhân dân huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên toà: Ông **Đinh Tiến Kiên** – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 4 năm 2025. Tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 125/2024/TLST- HNGĐ ngày 21 tháng 10 năm 2024 về tranh chấp “Hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 3 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên toà số 03/2025/QĐ – HNGĐ ngày 19 tháng 3 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Kiều A**, sinh năm 2004

Nơi cư trú: Số 21B, đường T, tổ 4, phường P, thị xã S, tỉnh L.

Bị đơn: Anh **Hoàng Trung T**, sinh năm 1998

Nơi cư trú: Khu 12, xã Đ, huyện T, tỉnh P.

(Chị A có đơn xin xét xử vắng mặt và anh T vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai: Nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Kiều A trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Hoàng Trung T có tự nguyện tìm hiểu và không bị ai ép buộc và có đăng ký kết hôn ngày 12 tháng 12 năm 2022 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện T, tỉnh P. Sau khi kết hôn chị và anh T sống tại Sa Pa cùng bố mẹ đẻ chị. Trong quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc được một thời gian thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau, cuộc sống chung ngày càng căng thẳng, hôn nhân không có hạnh phúc, không tìm được tiếng nói chung. Khi mâu thuẫn xảy ra gia đình hai bên và bạn bè khuyên giải nhưng cuộc sống vợ chồng vẫn không hạnh phúc và vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 3 năm 2024 cho

đến nay. Hiện nay, chị A vẫn sinh sống tại S còn anh T chuyển về nhà mẹ đẻ anh T ở khu 12, xã Đ, huyện T, tỉnh P để ở. Nay chị đề nghị Toà án giải quyết cho tôi được ly hôn với anh Hoàng Trung T.

Về con chung: Chị Nguyễn Thị Kiều A và anh Hoàng Trung T có 01 con chung là Hoàng Nhật H, sinh ngày 13/6/2023. Khi ly hôn chị xin nuôi con và không đề nghị anh Hoàng Trung T phải cấp dưỡng nuôi con cùng chị.

Về tài sản chung, nợ chung, tài sản cho vay và công sức đóng góp: Chị Nguyễn Thị Kiều A không yêu cầu Toà án giải quyết.

Phía bị đơn là anh Hoàng Trung T: Quá trình giải quyết Toà án tiến hành các trình tự, thủ tục tố tụng theo đúng quy định của pháp luật báo gọi anh T đến Toà án nhân dân huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ làm việc, anh T biết việc chị Nguyễn Thị Kiều A làm đơn xin ly hôn nhưng anh T cố tình trốn tránh, gây khó khăn không đến Toà án làm việc nên không lấy được lời khai của anh Hoàng Trung T và không tiến hành hoà giải được vụ án.

Toà án tiến hành xác minh được UBND xã Đ, huyện T, tỉnh P cho biết: Chị Nguyễn Thị Kiều A và anh Hoàng Trung T là vợ chồng có đăng ký kết hôn hợp pháp tại UBND xã Đ, huyện T, tỉnh P. Về mâu thuẫn vợ chồng giữa chị A và anh T cụ thể thì địa phương không nắm được và cũng không báo cáo khu dân cư mà hiện nay thì anh chị đã sống ly thân nhau vài tháng nay, không còn ở chung với nhau nữa, anh T thì ở nhà tại khu 12, xã Đ, huyện T, tỉnh P còn chị A hiện nay đang sống tại L. Về con chung: Chị A và anh T có 01 con chung là cháu Hoàng Nhật H, sinh ngày 13/6/2023, cháu H hiện nay đang ở với chị A. Quan điểm của địa phương đề nghị Toà án căn cứ vào quy định của pháp luật để giải quyết đảm bảo quyền lợi cho các bên đương sự.

Về con chung, tài sản chung, công nợ và công sức thì do đương sự không yêu cầu giải quyết quyết nên địa phương không có ý kiến gì.

Phát biểu của Kiểm sát viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Thẩm phán, Hội đồng xét xử Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà và nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập và tổng đạt các văn bản tố tụng niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật nhưng vắng mặt không có lý do.

Đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Toà án.

Xử: Cho chị Nguyễn Thị Kiều A được ly hôn anh Hoàng Trung T.

Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị Kiều A được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là cháu Hoàng Nhật H sinh ngày 13/6/2023. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Không ai được cản trở việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị Kiều A phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về quan hệ pháp luật: Đây là vụ án “Tranh chấp Hôn nhân và gia đình” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ Luật tố tụng dân sự.

Bị đơn có nơi cư trú tại khu 12, xã Đ, huyện T, tỉnh P vì vậy tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ Luật tố tụng dân sự.

Tòa án đã ra Quyết định yêu cầu cung cấp chứng cứ cho Công an xã Đ, huyện T, tỉnh P cung cấp Xác nhận thông tin cư trú thì hiện nay anh Hoàng Trung T có hộ khẩu thường trú tại khu 12, xã Đ, huyện T, tỉnh P. Toà án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Hoàng Trung T nhưng anh T không có nhà và người thân cũng không có nhà nên Toà án không giao trực tiếp các văn bản tố tụng cho anh T được và Toà án nhân dân huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ đã lập biên bản làm căn cứ tiến hành thủ tục niêm yết các văn bản tố tụng của Toà án tại Ủy ban nhân dân xã Đ, tại nơi cư trú khu 12, xã Đ, huyện T và niêm yết tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ. Anh Hoàng Trung T biết việc chị Nguyễn Thị Kiều A làm đơn xin ly hôn nhưng anh cố tình không đến Toà án làm việc gây khó khăn cho việc chị A làm đơn xin ly hôn anh, anh cũng từ bỏ quyền lợi của mình và vắng mặt phiên toà lần 2. Vì vậy, vụ án không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 Bộ Luật tố tụng dân sự. Tòa án chỉ mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 208 Bộ Luật tố tụng dân sự. Tòa án nhân dân huyện Thanh Thủy đã ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa cho anh Hoàng Trung T và niêm yết các văn bản tố tụng đúng trình tự quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và các quy định của pháp luật nhưng anh T vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do chính đáng vì vậy căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh T theo quy định của pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án Toà án nhân dân huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ đã tiến hành các thủ tục tố tụng theo đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử xét thấy đơn xin xét xử vắng mặt của chị Nguyễn Thị Kiều A đúng quy định của pháp luật nên được chấp nhận. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Toà án nhân dân huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ đưa vụ án ra xét xử vắng mặt nguyên đơn.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Kiều A và anh Hoàng Trung T có tự nguyện tìm hiểu và không bị ai ép buộc và có đăng ký kết hôn ngày 12 tháng 12 năm 2022 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện T, tỉnh P. Hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Kiều A và anh Hoàng Trung T là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn chị và anh T sống tại S cùng bố mẹ đẻ chị. Trong quá trình chung sống vợ chồng hạnh

phúc được một thời gian thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau, cuộc sống chung ngày càng căng thẳng, hôn nhân không có hạnh phúc, không tìm được tiếng nói chung. Khi mâu thuẫn xảy ra gia đình hai bên và bạn bè khuyên giải nhưng cuộc sống vợ chồng vẫn không hạnh phúc và vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 3 năm 2024 cho đến nay. Hiện nay, chị A vẫn sinh sống tại S còn anh T chuyển về nhà mẹ đẻ anh T ở khu 12, xã Đ, huyện T, tỉnh P để ở. Toà án xác minh tại nơi cư trú và tại UBND xã Đ nơi anh T sinh sống thì tình trạng hôn nhân giữa chị A và anh T là phù hợp với trình bày của chị A và hiện nay chị và anh T đã sống ly thân từ vài tháng nay, không ai còn quan tâm đến nhau. Chị A cũng đưa ra căn cứ anh chị sinh sống ở S có mâu thuẫn và được chính quyền địa phương xác nhận.

Quá trình giải quyết anh T không đến Toà án làm việc đã gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án. Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị A và anh T đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Yêu cầu của chị A xin ly hôn anh T là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận và đúng theo hướng dẫn tại điểm a khoản 3 điều 4 Nghị quyết 01/2024/NQ – HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân Tối cao hướng dẫn một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về Hôn nhân gia đình.

[2.2] Về con chung: Chị Nguyễn Thị Kiều A và anh Hoàng Trung T có 01 con chung là cháu Hoàng Nhật H, sinh ngày 13/6/2023. Hiện nay cháu Hoàng Nhật H đang ở với chị A, khi ly hôn chị A có nguyện vọng nuôi cháu H.

Xét việc nuôi con chung thấy: Hiện cháu H dưới 36 tháng tuổi căn cứ khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình “Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con...”. Chị A có công việc và thu nhập ổn định, do vậy cần giao cháu H cho chị A tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

Anh Hoàng Trung T có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Nguyễn Thị Kiều A tự nguyện không yêu cầu anh Hoàng Trung T cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung, tài sản cho vay và công sức đóng góp: Không xem xét giải quyết.

[2.4] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Kiều A phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Quyền kháng cáo: Các bên đương sự được quyền kháng cáo Bản án.

Đề nghị của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 5 Điều 27

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị Kiều A. Xử cho chị Nguyễn Thị Kiều A được ly hôn anh Hoàng Trung T.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Hoàng Nhật H, sinh ngày 13 tháng 6 năm 2023 cho chị Nguyễn Thị Kiều A trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục kể từ tháng 4 năm 2025 đến khi con chung thành niên. Chị A không đề nghị anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị. Sau ly hôn anh Hoàng Trung T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, công nợ, tài sản cho vay và công sức đóng góp: Không giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Kiều A phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0003829 ngày 21 tháng 10 năm 2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Thanh Thủy;
- Chi cục THADS huyện Thanh Thủy;
- UBND xã Đ, huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án; VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Thị Hương Thủy

